TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2023/DS-ST
Ngày: 31/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tự;

2. Ông Đinh Tình Thanh Phước.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5173/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5977/2023/QĐST- DS ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở chính: Số B - B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 – Là đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 1255/2023/UQ-TGĐ ngày 28/7/2023); Địa chỉ: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trần Minh T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số I, đường C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lã Ngọc M vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Trần Minh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2022, bản tự khai đề ngày 31/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/4/2019, ông Nguyễn Trần Minh T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 472075-3089 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.510.000 đồng, phí trễ hạn 1.153.394 đồng, lãi 66.885.767 đồng, phí vượt hạn mức 161.678 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 50.000 đồng (thứ tự thanh toán căn theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 23/9/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ đến ngày 23/9/2019 thành nợ gốc là 34.019.625 đồng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc (bằng 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Kể từ ngày 23/9/2019, ông T chỉ phải chịu khoản tiền lãi quá hạn mà không bị tính thêm các loại phí nào khác.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Trần Minh T thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn lại tính đến ngày 31/8/2023 là 97.660.839 đồng (bao gồm nợ gốc là 34.019.625 đồng và nợ lãi là 63.641.214 đồng). Và ông T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Thanh toán ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông T có trách nhiệm thanh toán tiền sử dụng thẻ còn nợ, ngoài ra không yêu cầu ai cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trần Minh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì về tố tụng. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của các bên và Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi,

bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Trần Minh T thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn lại tính đến ngày 31/8/2023 là 97.660.839 đồng (bao gồm nợ gốc là 34.019.625 đồng và nợ lãi là 63.641.214 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 01/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn ông Nguyễn Trần Minh T giao kết hợp đồng tín dụng ngày 25/4/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu theo thỏa thuận của các bên. Căn cứ Phiếu kết quả xác minh của Công an phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Công an xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Công an xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh thì không xác định được nơi cư trú của ông T. Vì vậy, có cơ sở xác định địa chỉ số I, đường C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ ông T đã từng cư trú mà nguyên đơn biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và đó cũng là địa chỉ giao kết trong hợp đồng tín dụng giữa hai bên là phù hợp với quy định tại Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc:

[3.1]. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng, có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Trần Minh T và đại diện Ngân hàng có cơ sở xác định ngày 25/4/2019 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử

dụng là 30.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Việc giao kết hợp đồng tín dụng ngày 25/4/2019 giữa Ngân hàng và ông T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

[3.2]. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.510.000 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 50.000 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng).

[3.3]. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ Bảng tóm tắt sao kê các giao dịch đã thực hiện qua thẻ tín dụng thể hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 31/8/2023 với tổng số tiền là 29.510.000 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 50.000 đồng. Thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng theo lần lượt: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/9/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 34.019.625 đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[3.4]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên dựa theo bảng sao kê lịch sử thanh toán do Ngân hàng cung cấp, không có chứng cứ nào cho thấy ông T đã thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Trần Minh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại là 34.019.625 đồng.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi: Căn cứ Quyết định số 935/2019 QĐ-TTT ngày 27/3/2019 và Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam thì từ thời điểm các bên ký hợp đồng mức lãi suất được thỏa thuận đối với tất cả thẻ tín dụng quốc tế S1 phát hành cho khách hàng là 2.6%/tháng. Tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được áp dụng tại thời điểm hiện tại. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 23/9/2019, Ngân hàng chuyển số nợ gốc chưa thanh toán là 34.019.625 đồng sang nợ quá hạn theo mức lãi suất 3.9%/tháng (2.6 x150%) được tính trên số nợ gốc tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ tính đến ngày 31/8/2023 là 63.641.214 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5]. Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu ông T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu

cầu ai cùng với ông T thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông T đã sử dụng số tiền vay để phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của ông T.

[6]. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Trần Minh T thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tính đến 31/8/2023 là 97.660.839 đồng (bao gồm nợ gốc là 34.019.625 đồng và nợ lãi là 63.641.214 đồng) và ông T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết kể từ 01/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Bị đơn ông Nguyễn Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.883.042 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[8]. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Trần Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền còn nợ phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/4/2019 giữa ông Nguyễn Trần Minh T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tính đến ngày 31/8/2023 là 97.660.839 đồng, trong đó nợ gốc là 34.019.625 đồng và nợ lãi là 63.641.214 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ 01/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Trần Minh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết ngày 25/4/2019.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.883.042 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.133.044 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0018302 ngày 18/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Nguyễn Trần Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tâm